



TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI
HANOI UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

CHƯƠNG 4: CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Giảng viên: Phan Yến Trang
trang.phanyen@hust.edu.vn

3. Năm đặc điểm của CNTB độc quyền

- 3.1. Sự hình thành các tổ chức độc quyền
- 3.2. Tư bản tài chính và các trùm tài phiệt
- 3.3. Xuất khẩu tư bản
- 3.4. Sự phân chia thị trường thế giới giữa các liên minh độc quyền
- 3.5. Sự phân chia lãnh thổ thế giới giữa các cường quốc

3. Năm đặc điểm của CNTB độc quyền

3.1. Sự hình thành các tổ chức độc quyền

❖ Nguyên nhân (Có 3 lý do chính):

- Do cạnh tranh tự do => TB nhỏ phá sản, TB lớn mạnh thêm => còn lại TB lớn cạnh tranh với nhau => đòi hỏi chi phí lớn, rủi ro cao, kết cục khó phân thắng bại => cạnh tranh không có lợi, TB sẽ liên minh thao túng thị trường => tạo nên TCDQ
- Do các thành tựu KHKT mới => cần phải ứng dụng vào SXKD => cần vốn lớn, thời gian hoàn vốn chậm, rủi ro cao => từng nhà TB khó đáp ứng được => các nhà TB phải liên minh thành hãng có sức mạnh khổng lồ => tạo nên TCDQ
- Do khủng hoảng kinh tế => TB nhỏ phá sản, TB lớn cùng thiệt hại => để phục hồi, các TB lớn phải liên minh với nhau => tạo nên TCDQ

3. Năm đặc điểm của CNTB độc quyền

3.1. Sự hình thành các tổ chức độc quyền

❖ Khái niệm Tổ chức độc quyền:

- Là liên minh các nhà TB với nhau
- Nắm giữ phần lớn việc sản xuất & tiêu thụ một hoặc một số loại hàng hóa
- Không chế thị trường, cả đầu vào lẫn đầu ra, để thu lợi nhuận độc quyền cao

3. Năm đặc điểm của CNTB độc quyền

3.1. Sự hình thành các tổ chức độc quyền

❖ Các hình thức Tổ chức độc quyền

- Cartel
- Syndicate
- Trust
- Consortium

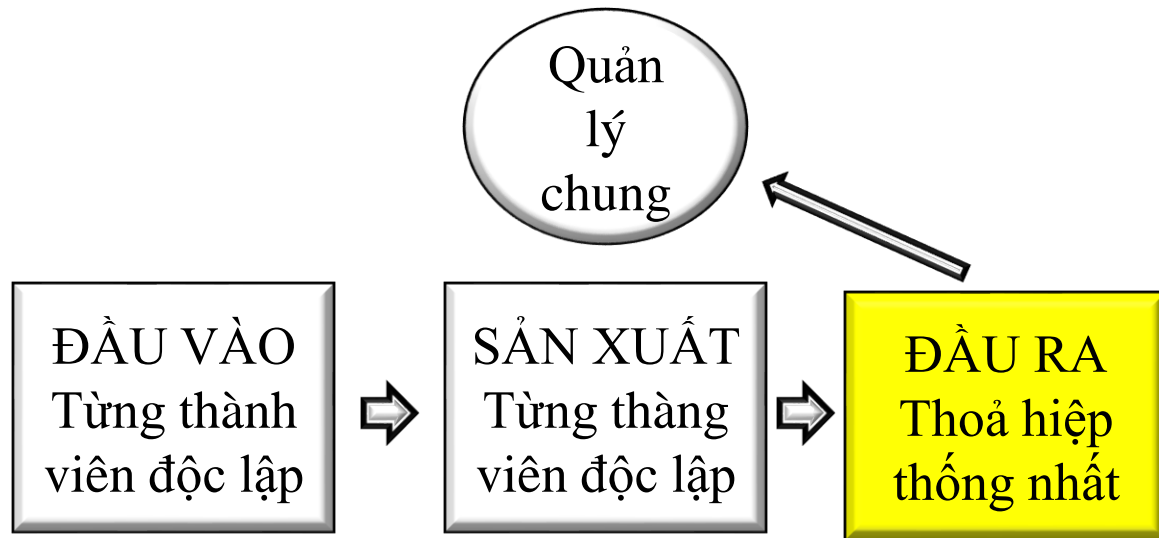
3. Năm đặc điểm của CNTB độc quyền

3.1. Sự hình thành các tổ chức độc quyền

❖ Các hình thức Tổ chức độc quyền

- *Cartel*:

- + TCĐQ chỉ dựa trên sự thống nhất về tiêu thụ
- + Các thành viên thảo hiệp với nhau về phân chia thị trường, hạn mức sản lượng, thống nhất giá cả
- + Không thực sự bền vững



BA KHÂU CỦA QUÁ TRÌNH KINH TẾ

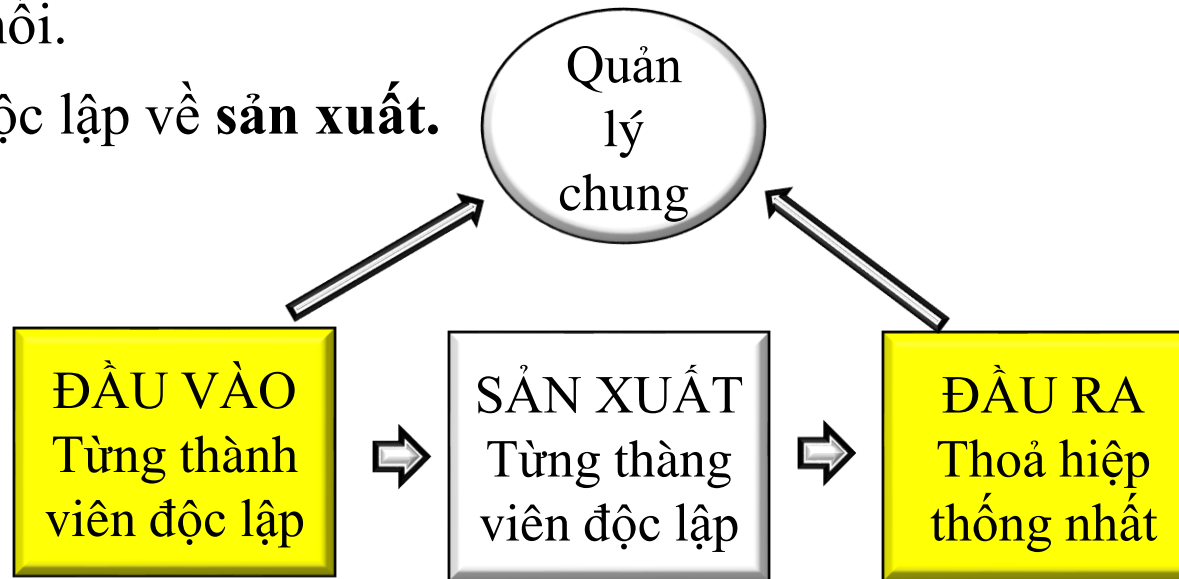
3. Năm đặc điểm của CNTB độc quyền

3.1. Sự hình thành các tổ chức độc quyền

❖ Các hình thức Tổ chức độc quyền

- *Syndicate*:

- + TCDQ dựa trên sự thống nhất về lưu thông
- + Việc đầu tư các yếu tố **đầu vào** và tiêu thụ **đầu ra** sẽ do một Ban quản trị chung của Syndicate điều phối.
- + Từng thành viên chỉ giữ độc lập về **sản xuất**.



BA KHÂU CỦA QUÁ TRÌNH KINH TẾ

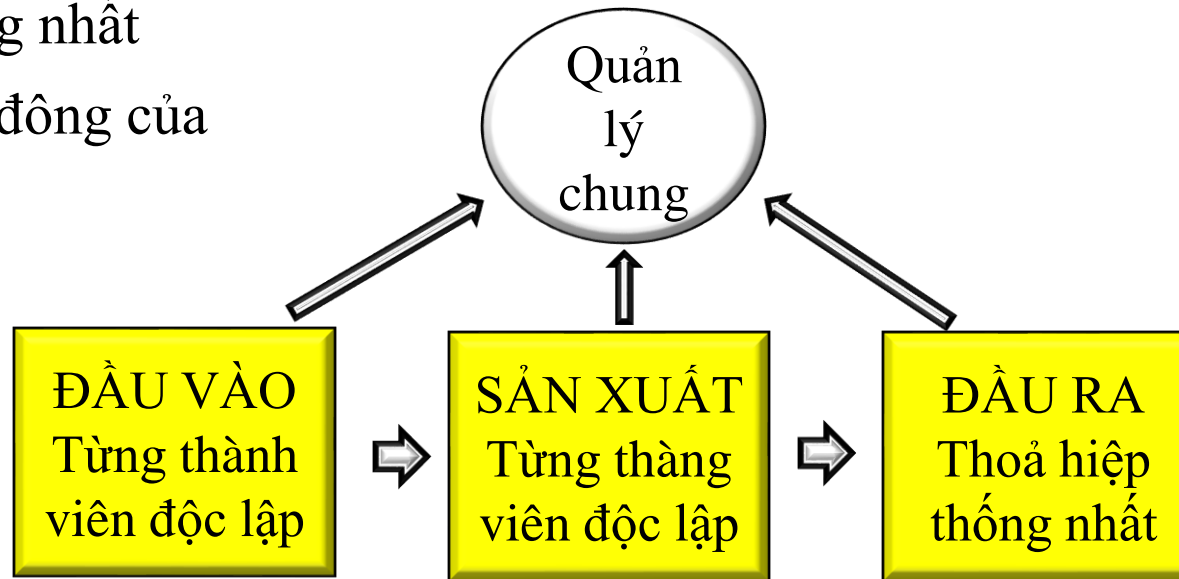
3. Năm đặc điểm của CNTB độc quyền

3.1. Sự hình thành các tổ chức độc quyền

❖ Các hình thức Tổ chức độc quyền

- *Trust*:

- + TCDQ dựa trên sự thống nhất cả về lưu thông và sản xuất
- + Việc đầu tư các yếu tố **đầu vào**, tổ chức **sản xuất** và tiêu thụ **đầu ra** sẽ do một bộ máy quản lý thống nhất
- + Từng thành viên chỉ là cổ đông của cty cổ phần



BA KHÂU CỦA QUÁ TRÌNH KINH TẾ

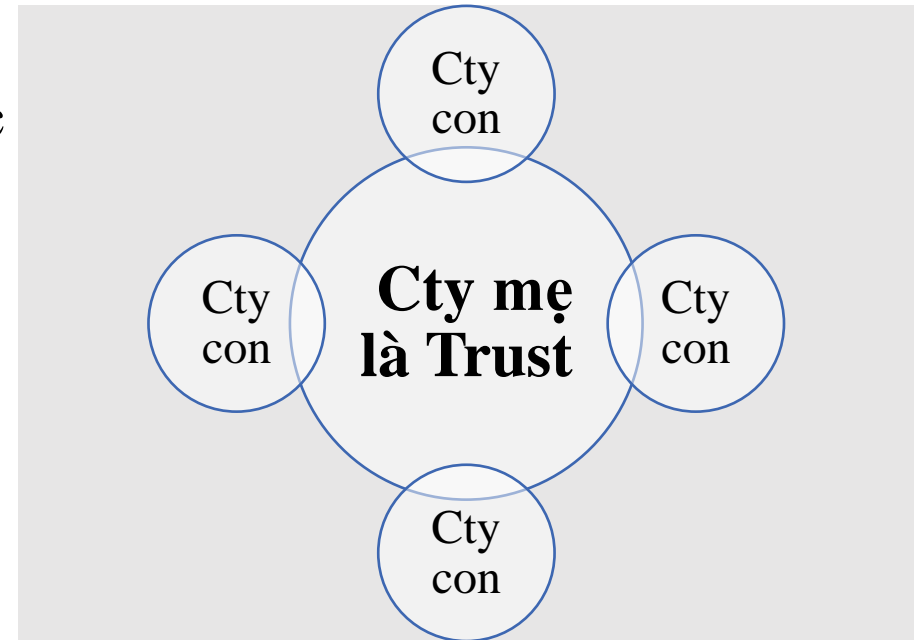
3. Năm đặc điểm của CNTB độc quyền

3.1. Sự hình thành các tổ chức độc quyền

❖ Các hình thức Tổ chức độc quyền

- *Consortium*:

- + Tổ chức độc quyền đa ngành, có sức mạnh chi phối nền kinh tế
- + Về kinh tế: có sự kết hợp giữa giới tư bản công nghiệp & giới tư bản ngân hàng.
- + Về hình thức: Bao hàm cả hình thức Trust và hình thức Syndicate



3. Năm đặc điểm của CNTB độc quyền

3.1. Sự hình thành các tổ chức độc quyền

❖ Biểu hiện mới của Tổ chức độc quyền:

- *Về kinh tế*: TCĐQ thống trị các ngành hàng, nhưng có sự phát triển hệ thống các DN nhỏ đóng vai trò vệ tinh, gia công, thầu phụ... cho các TCĐQ.
- *Về hình thức*: Xuất hiện 02 hình thức mới là Concern và Conglomerate
 - + Giống nhau: Đều là TCĐQ đa ngành, thao túng thị trường quốc tế, là hang đa quốc gia, xuyên quốc gia
 - + Khác nhau: Concern là TCĐQ đa ngành, mà các ngành có liên hệ về kỹ thuật Conglomerate là TCĐQ đa ngành, mà các ngành không cần liên hệ về kỹ thuật.

3. Năm đặc điểm của CNTB độc quyền

3.2. Tư bản tài chính

❖ Nguyên nhân hình thành

⇒ Do sự liên minh, tập trung TB trong 02 lĩnh vực: Ngân hàng & công nghiệp

⇒ Như phân tích tại mục 1.1, điều đó hình thành nên 02 giới độc quyền:

- Tư bản độc quyền ngân hàng thao túng tiền tệ, tín dụng của xã hội
- Tư bản độc quyền công nghiệp thao túng nền sản xuất của xã hội

⇒ Để củng cố sự thao túng, tất yếu là 02 giới độc quyền này thâm nhập vào nhau

⇒ Tạo nên Tư bản tài chính (còn gọi là giới tài phiệt)

3. Năm đặc điểm của CNTB độc quyền

3.2. Tư bản tài chính

❖ Lý do TBĐQ công nghiệp và TBĐQ ngân hàng cần thâm nhập vào nhau

- *TBĐQ công nghiệp cần tín dụng tiền tệ*

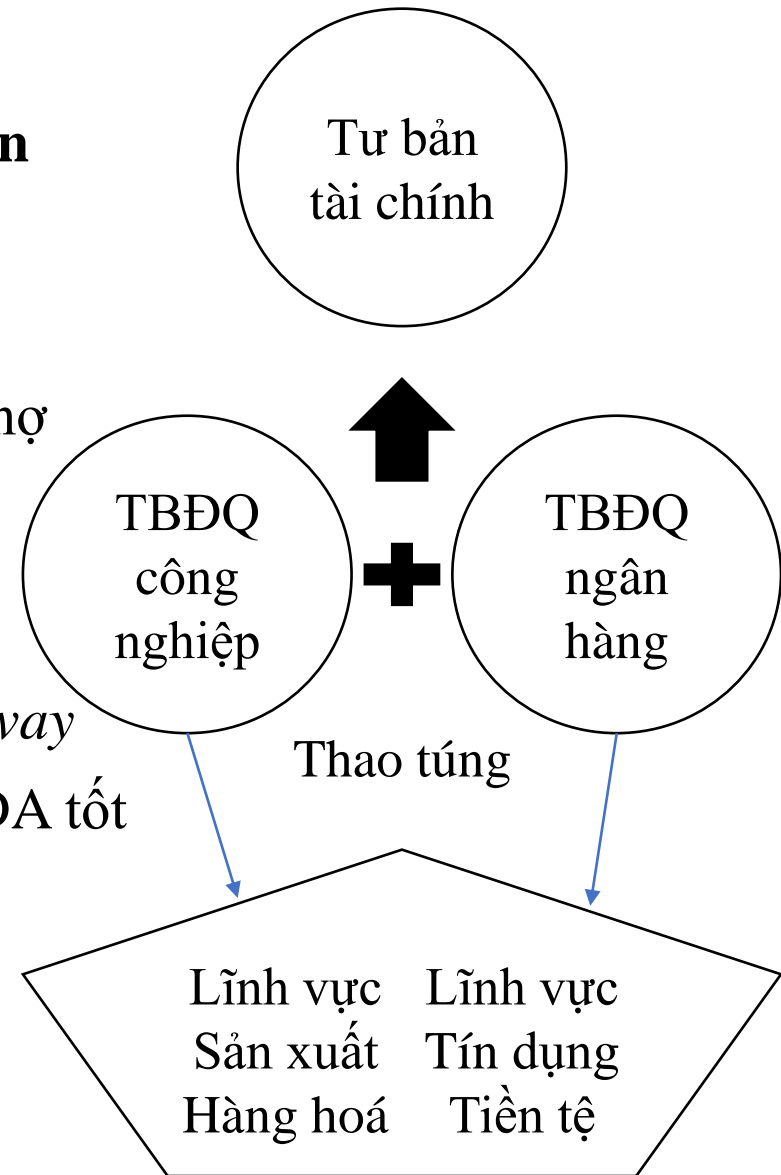
⇒ Cần chi phối TBĐQ ngân hàng để dễ vay nợ

⇒ Phải mua cổ phần chi phối ngân hàng lớn

- *TBĐQ ngân hàng cần kiểm soát rủi ro cho vay*

⇒ Cần kiểm soát TBĐQ công nghiệp để có DA tốt

⇒ Phải mua cổ phần chi phối các DN lớn

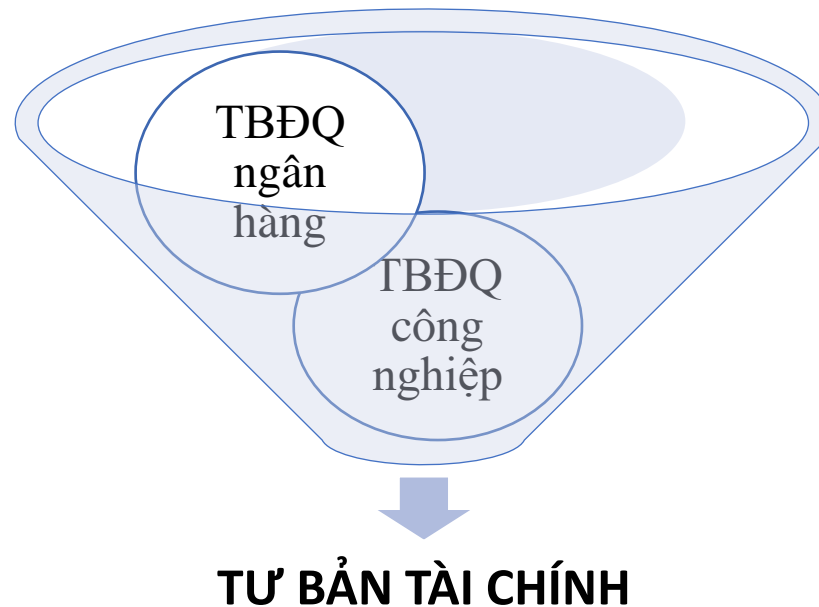


3. Năm đặc điểm của CNTB độc quyền

3.2. Tư bản tài chính

❖ Khái niệm Tư bản tài chính

- Là sự thâm nhập, dung hợp lẫn nhau giữa TBĐQ công nghiệp & TBĐQ ngân hàng
- Có ảnh hưởng chi phối cả nền kinh tế (chứ không chỉ là từng ngành hàng)



3. Năm đặc điểm của CNTB độc quyền

3.2. Tư bản tài chính

❖ Cơ chế thao túng mà giới Tư bản tài chính sử dụng

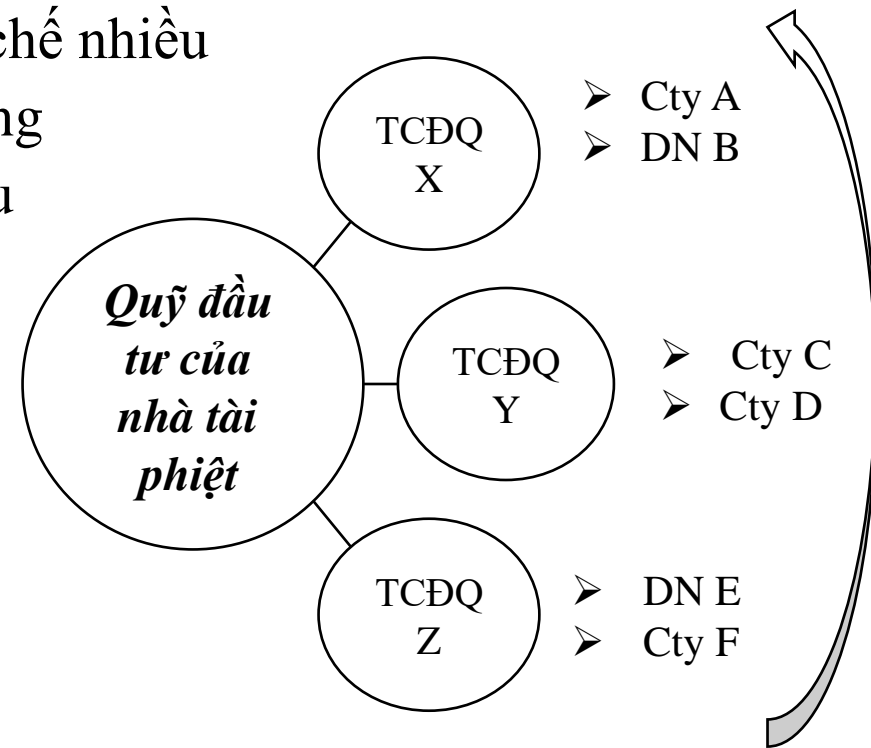
- “*Cơ chế tham dự*”:

+ TBTC đầu tư nắm giữ cổ phiếu khống chế nhiều

Tổ chức độc quyền lớn ở nhiều ngành hàng

+ Mỗi Tổ chức độc quyền lớn lại có nhiều công ty con, DN thành viên, chi nhánh...

⇒ Bằng cơ chế tham dự vốn, TBTC đã mở rộng phạm vi ảnh hưởng trong nền kinh tế.



3. Năm đặc điểm của CNTB độc quyền

3.2. Tư bản tài chính

❖ Cơ chế thao túng mà giới Tư bản tài chính sử dụng

- “*Cơ chế uỷ thác*”:

- + Là sự hỗ trợ cho “cơ chế tham dự”, tức là nhà Tư bản tài chính không cần bỏ 100% vốn cho Quỹ đầu tư tài chính
- + Nhà TBTC chỉ góp cổ phần đủ lớn để chi phối (ví dụ 50%), phần còn lại, TBTC huy động vốn của các nhà đầu tư khác.

3. Năm đặc điểm của CNTB độc quyền

3.2. Tư bản tài chính

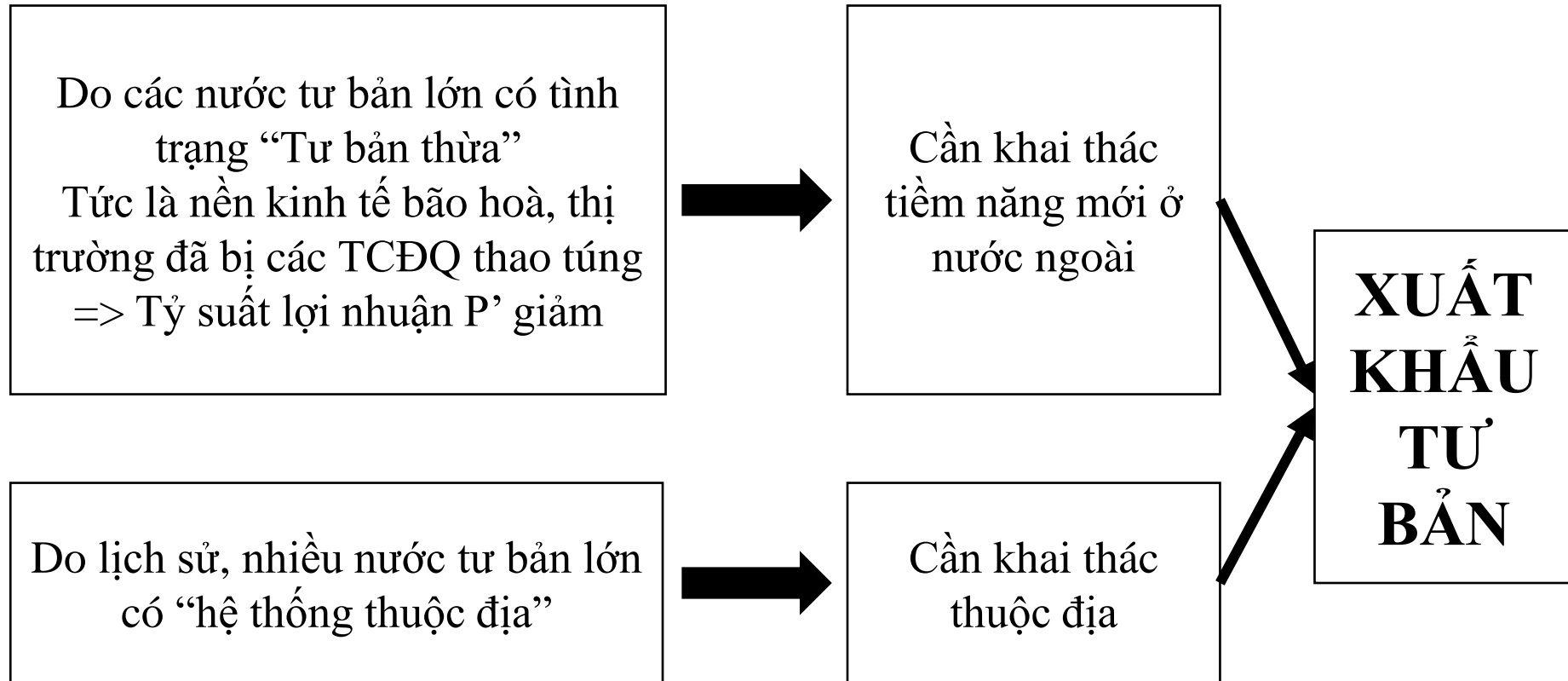
❖ Biểu hiện mới của Tư bản tài chính

- *Về phạm vi ảnh hưởng*: Chi phối, lũng đoạn thị trường tài chính, đầu cơ... tạo nên khủng hoảng tài chính khu vực và thế giới.
- *Về cách thức*: Ứng dụng công nghệ thông tin để giao dịch toàn cầu với các mô hình sàn giao dịch dầu thô, vàng, gạo... được pháp luật nhiều nước công nhận.

3. Năm đặc điểm của CNTB độc quyền

3.3. Xuất khẩu tư bản

❖ Nguyên nhân hình thành



3. Năm đặc điểm của CNTB độc quyền

3.3. Xuất khẩu tư bản

❖ Khái niệm xuất khẩu tư bản

- *Khái niệm*: Là việc đầu tư Tư bản ra nước ngoài để sản xuất GTTD và thực hiện GTTD ở nước ngoài.
- *Phân biệt với xuất khẩu hàng hoá*: Là sản xuất GTTD ở trong nước, chỉ thực hiện GTTD (tức là bán hàng để thu về Tư bản tiền tệ) ở nước ngoài.

3. Năm đặc điểm của CNTB độc quyền

3.3. Xuất khẩu tư bản

❖ Hình thức xuất khẩu tư bản

- *Theo chủ thể*, bao gồm: XKTB của Nhà nước, XKTB của tư nhân
- *Theo tính chất*, bao gồm: XKTB trực tiếp, XKTB gián tiếp
- + XKTB trực tiếp (FDI): Nhà tư bản trực tiếp đầu tư vốn và thực hiện SXKD.
- + XKTB gián tiếp: đầu tư chứng khoán ở nước ngoài, cho nước ngoài vay tín dụng, hưởng lãi suất, tài trợ ODA...

3. Năm đặc điểm của CNTB độc quyền

3.3. Xuất khẩu tư bản

❖ Biểu hiện mới của xuất khẩu tư bản

- *Về dòng vốn đầu tư*: Xuất hiện dòng vốn đầu tư giữa các nước lớn với nhau. Vì:
 - + KHKT phát triển, tạo nên các ngành mới, nước nhỏ chưa đủ ĐK để đầu tư
 - + Để tránh rào cản chính sách giữa các nước, có thể phải đầu tư qua nước thứ ba
- *Về chính trị*: Nước lớn tăng cường sử dụng XKTB (của cả Nhà nước và tư nhân) để chi phối nền kinh tế của nước nhỏ, từ đó có khả năng chi phối chính trị, văn hoá.

3. Năm đặc điểm của CNTB độc quyền

3.4. Sự phân chia thị trường thế giới giữa các liên minh độc quyền

❖ Nguyên nhân

⇒ Do cạnh tranh giữa các TCDQ trên thị trường quốc tế về:

+ Xuất khẩu tư bản

+ Xuất khẩu hàng hoá

⇒ Chi phí lớn, rủi ro cao, khó phân thắng bại

⇒ Cạnh tranh không có lợi => các TCDQ sẽ thoả hiệp, phân chia thị trường

3. Năm đặc điểm của CNTB độc quyền

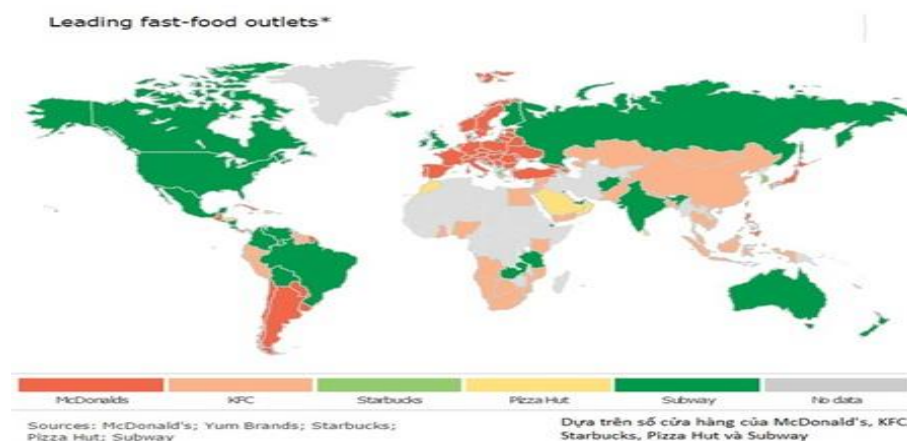
3.4. Sự phân chia thị trường thế giới giữa các liên minh độc quyền

❖ Khái niệm

- Là sự *thoả hiệp, liên minh* giữa các TCDQ để phân chia phạm vi ảnh hưởng trên thị trường thế giới, cả **đầu vào** lẫn **đầu ra**.

❖ Biểu hiện mới

- Các TCDQ tăng cường sử dụng *sự can thiệp của Nhà nước tư sản*, để bảo vệ lợi ích của mình trên thế giới



3. Năm đặc điểm của CNTB độc quyền

3.5. Sự phân chia lãnh thổ thế giới giữa các cường quốc

❖ Nguyên nhân

Sự cạnh tranh giữa các cường quốc về phạm vi ảnh hưởng địa chính trị trên toàn thế giới



Các cường quốc đối đầu nhau thì không có lợi



Thoả hiệp, phân chia vùng ảnh hưởng

Sự phát triển không đồng đều giữa các cường quốc



Tạo nên tương quan mới, sự cạnh tranh mới



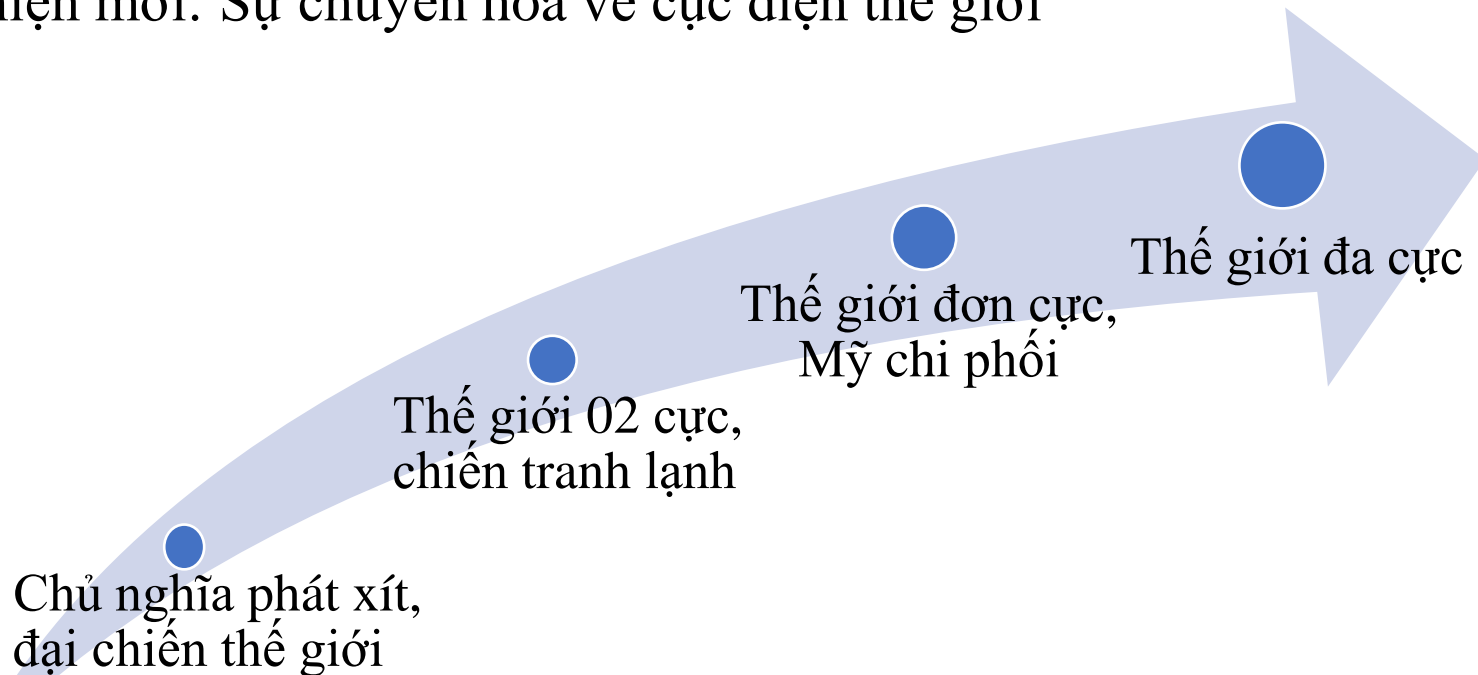
Thoả hiệp mới, phân chia lại vùng ảnh hưởng

3. Năm đặc điểm của CNTB độc quyền

3.5. Sự phân chia lãnh thổ thế giới giữa các cường quốc

❖ Khái niệm

- Là sự thoả hiệp giữa các cường quốc để phân chia phạm vi ảnh hưởng địa chính trị trên toàn thế giới
- Biểu hiện mới: Sự chuyển hoá về cục diện thế giới



4. Chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước

4.1. Nguyên nhân hình thành Chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước

❖ Do xu thế tất yếu là Nhà nước tư sản gắn kết với các Tổ chức độc quyền. Bởi vì:

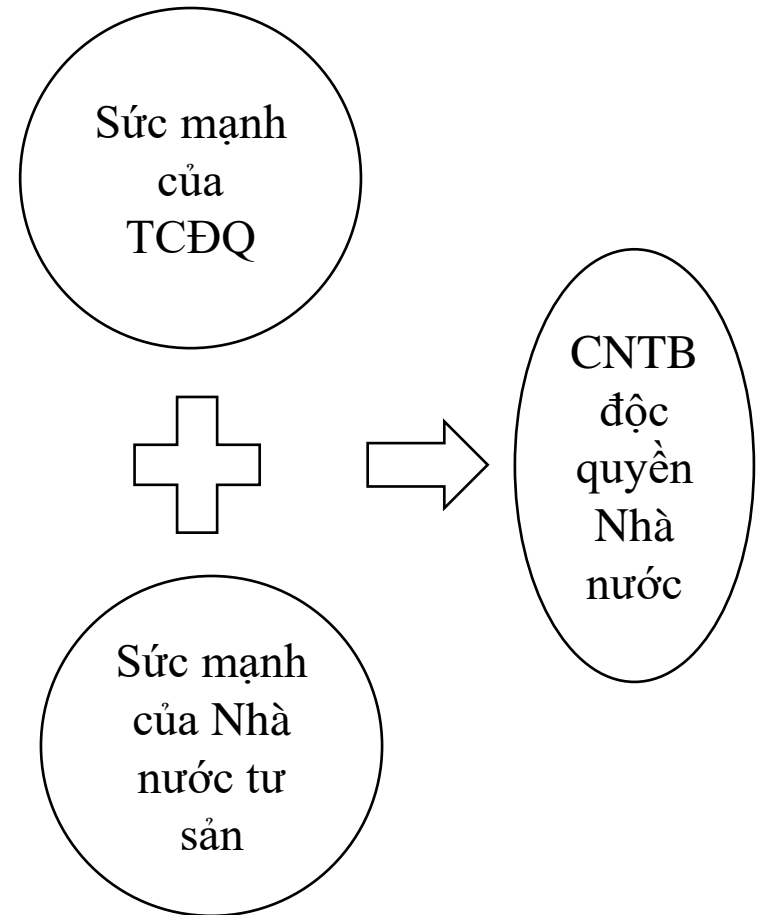
- Mâu thuẫn giữa các Tổ chức độc quyền khi mở rộng ảnh hưởng trên toàn cầu
=> nên cần sự bảo hộ của Nhà nước
- Mâu thuẫn giữa Tổ chức độc quyền với Công nhân và Nhân dân trở nên gay gắt
=> nên cần một thiết chế xã hội là trung gian điều hoà mâu thuẫn, đó là Nhà nước
- Mâu thuẫn của PTSX TBCN tạo nên khủng hoảng kinh tế theo chu kỳ
=> nên cần vai trò kinh tế của Nhà nước về sở hữu và cơ chế điều tiết

4. Chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước

4.2. Thực chất về CNTB độc quyền Nhà nước

⇒ Là sự kết hợp sức mạnh của các TCDQ với sức mạnh của Nhà nước tư sản, tạo thành một thiết chế, thể chế thống nhất.

⇒ Từ đó can thiệp vào các quá trình kinh tế - xã hội, bảo vệ lợi ích kinh tế cho các TCDQ và góp phần điều hoà mâu thuẫn của xã hội tư bản



4. Chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước

4.3. Các hình thức kết hợp giữa Nhà nước tư sản với Tổ chức tư bản độc quyền

❖ Kết hợp về sở hữu

- *Nhà nước tư sản đầu tư vốn ngân sách vào các Tổ chức độc quyền, với mục đích:*

+ Hỗ trợ khi TCĐQ gặp khó khăn

+ Tạo nên hợp đồng và gói thầu cho TCĐQ khai thác...

- *Nhà nước tư sản bán cổ phần trong tổ chức, DN Nhà nước cho các nhà tư bản để:*

+ Chia sẻ lợi nhuận từ thành quả đầu tư của Nhà nước cho các nhà tư bản

+ Chia sẻ thành tựu R & D cho các nhà tư bản khác khai thác

4. Chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước

4.3 Các hình thức kết hợp giữa Nhà nước tư sản với Tổ chức tư bản độc quyền

❖ Kết hợp về nhân sự

- Nhà tư bản tham gia hoạt động chính trị, trở thành chính khách Nhà nước
- Chính khách rời vai trò quan chức Nhà nước, tham gia điều hành kinh doanh



Donald Trump



Rex Tillerson



Lee Myung-bak



Thaksin

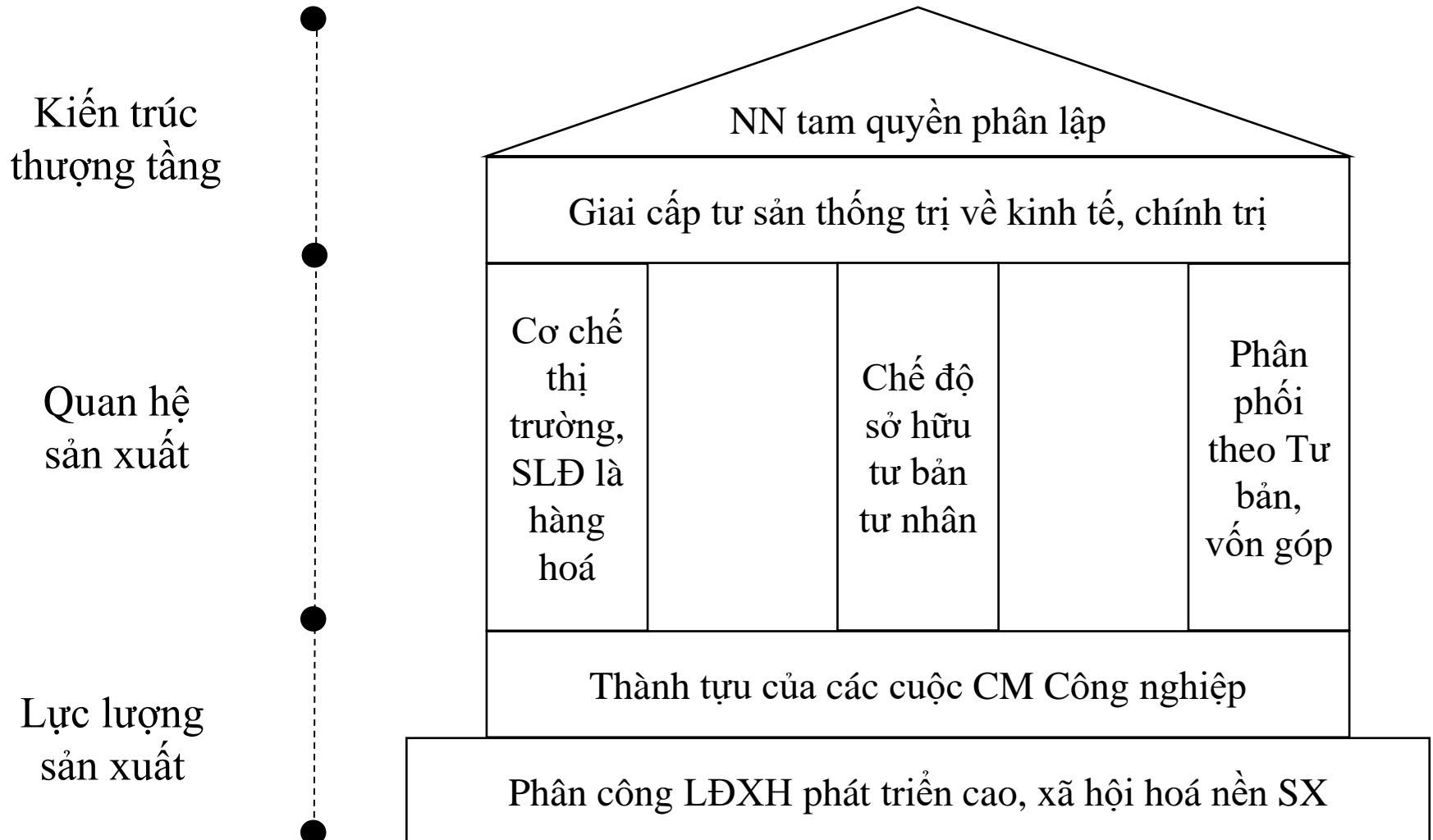
Kết luận chung về CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

1. Bản chất của Hình thái kinh tế - xã hội Tư bản chủ nghĩa

- **Về lực lượng sản xuất:** Nền tảng của CNTB là phân công lao động xã hội phát triển cao và thành tựu của các cuộc Cách mạng công nghiệp
- **Về quan hệ sản xuất:** Chế độ sở hữu tư bản tư nhân về TLSX, thay cho chế độ sở hữu tư nhân cát cứ phong kiến về TLSX
- **Về quan hệ quản lý:** Phát huy cơ chế thị trường, sức lao động trở thành hàng hoá, thay cho sự quản lý áp đặt chuyên chế phong kiến
- **Về quan hệ phân phối:** Phân phối dựa trên mức đóng góp về Tư bản là chủ đạo, thay cho kiểu phân phối dựa trên sức mạnh chuyên chế, bạo lực
- **Về kiến trúc thượng tầng:** Giai cấp Tư sản thống trị với Nhà nước tam quyền phân lập thay cho Nhà nước quân chủ chuyên chế

Kết luận chung về CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

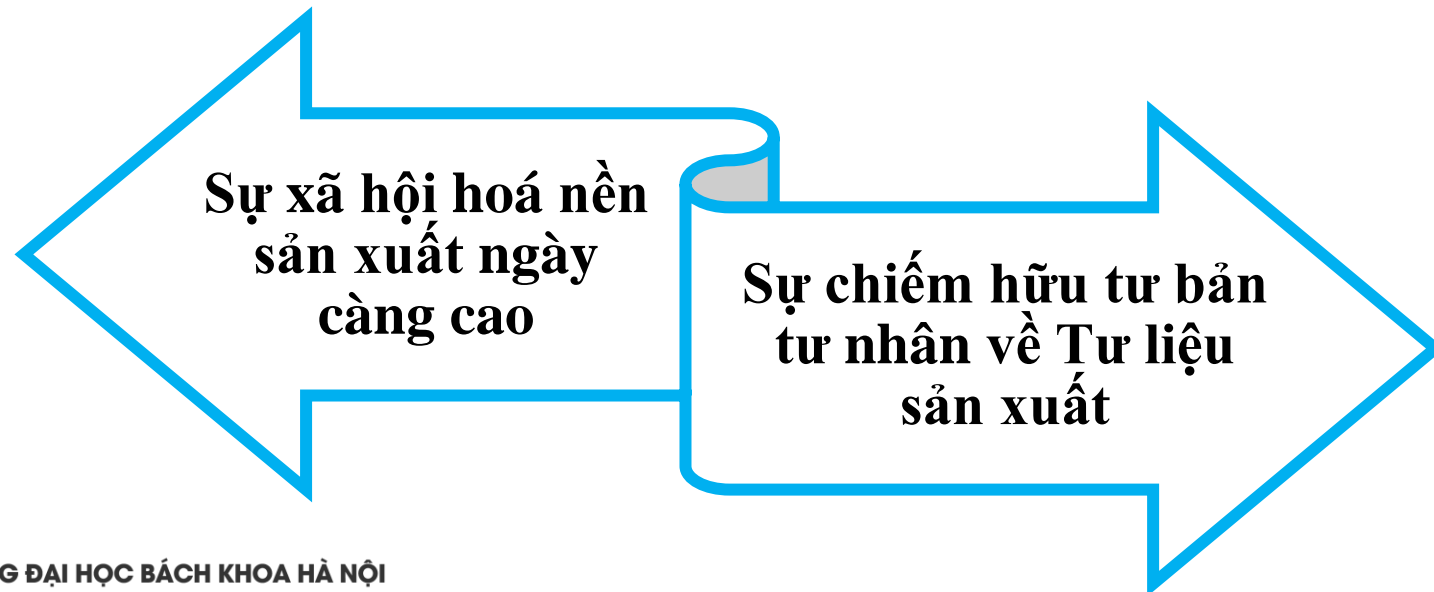
1. Bản chất của Hình thái kinh tế - xã hội Tư bản chủ nghĩa



Kết luận chung về CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

2. Mâu thuẫn cơ bản của Chủ nghĩa tư bản

- **Ban đầu**, mâu thuẫn này thúc đẩy Chủ nghĩa Tư bản phát triển thay thế Chủ nghĩa phong kiến. Bởi vì chế độ sở hữu Tư bản tư nhân có trình độ xã hội hoá cao hơn chế độ sở hữu cát cứ phong kiến
- **Về sau**, mâu thuẫn này trở thành hạn chế của Chủ nghĩa tư bản. Bởi vì, nền sản xuất sẽ đạt trình độ xã hội hoá cao tới mức không phù hợp với mọi chế độ sở hữu tư nhân



3. Thành tựu của Chủ nghĩa tư bản

- **Chuyển nền sản xuất nhỏ thành nền sản xuất quy mô lớn, hiện đại.** Nguyên nhân vì CNTB có quy luật tích tụ, tập trung tư bản, tạo nên nguồn lực đủ lớn.
- **Thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển nhanh.** Nguyên nhân vì CNTB có sự cạnh tranh gay gắt, tạo động lực sáng tạo nên thành tựu công nghệ và quản lý hiện đại .
- **Xã hội hoá nền sản xuất, phát triển nền kinh tế thị trường.** Nguyên nhân vì CNTB có quy luật sản xuất và tối đa hoá giá trị thặng dư, nên luôn có xu thế mở rộng thị trường, phát huy các lợi thế so sánh, chuyên môn hoá, thúc đẩy phân công LĐXH.

4. Hạn chế của Chủ nghĩa tư bản

- *Nền kinh tế bị lũng đoạn bởi giới tư bản độc quyền, nhiều tiềm năng sáng tạo của xã hội bị kìm hãm nếu không đáp ứng lợi ích của giới tài phiệt.* Nguyên nhân vì CNTB dựa trên chế độ sở hữu tư nhân; giai cấp tư sản chi phối nền kinh tế, chính trị xã hội.
- *Các vấn đề an ninh như: Chiến tranh, khủng bố, chủ quyền quốc gia...* Nguyên nhân vì CNTB có quy luật chiếm đoạt, nước lớn chi phối nước nhỏ, phân chia thế giới
- *Các vấn đề xã hội như: sự phân hoá, bất bình đẳng, mâu thuẫn giai tầng, tệ nạn, môi trường suy thoái.* Nguyên nhân vì CNTB có quy luật sản xuất và tiêu dùng giá trị thặng dư, phục vụ lợi ích cục bộ của giai cấp tư sản

5. Xu thế vận động của Chủ nghĩa tư bản

- ❖ Chủ nghĩa tư bản có sự điều chỉnh để dung hoà các mâu thuẫn nội tại. VD:
 - Đa dạng hoá quan hệ sở hữu. (Ví dụ: công nhân cũng là cổ đông nhỏ của công ty)
 - Xuất khẩu tư bản, đầu tư sản xuất và tiêu thụ ở nhiều nước đang phát triển
 - Cải cách hệ thống luật pháp, thể chế, tăng cường sự giám sát của người dân...
- ❖ Trên thực tiễn, *mâu thuẫn cơ bản của CNTB vẫn không thể giải quyết được.*
- ❖ CNTB *sẽ bị xoá bỏ và được thay thế*, theo quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất



HUST

KẾT THÚC
CHƯƠNG 4 VỀ CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN
SINH VIÊN TÌM HIỂU BÀI TIẾP THEO
CHƯƠNG 5: “NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG
ĐỊNH HƯỚNG XHCN Ở VIỆT NAM

